

Số: 224 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 02 tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

Xử lý đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

Thực hiện Công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công văn số 2950/BTC-QLCS ngày 11/3/2025 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh việc rà soát, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích;

Để tăng cường công tác quản lý và sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh, thực hiện rà soát, quyết định xử lý đối với các tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích theo đúng quy định của pháp luật, không để lãng phí, thất thoát tài sản công; theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1259/STC-QLG&CS ngày 31/3/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xử lý đối với 278 cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An (có Danh mục tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Lập, phê duyệt phương án xử lý, quyết định xử lý, tổ chức thực hiện đối với các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích theo đúng quy định của pháp luật. Xác định cụ thể thời gian thực hiện từng nhiệm vụ.

- Giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích phát sinh mới của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để bổ sung vào danh mục các cơ sở nhà, đất kèm theo Kế hoạch này.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện rà soát, tổng hợp các tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

được giao quản lý nhưng hiện không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích nhưng chưa được phê duyệt phương án xử lý hoặc đã được phê duyệt phương án nhưng chưa phù hợp để lập báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định xử lý theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Xử lý nghiêm trách nhiệm tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, gây lãng phí nguồn lực.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ tổng quát

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND các phường, xã, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hiện trạng sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý để triển khai lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch cần thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất để báo cáo Sở Tài chính cập nhật, bổ sung.

Đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng,... các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương cần kịp thời đề xuất giải pháp xử lý, xác định rõ cơ quan có trách nhiệm giải quyết và cấp có thẩm quyền quyết định để báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, chỉ đạo và quyết định kịp thời. **Thời gian thực hiện: thường xuyên, liên tục và báo cáo định kỳ hàng quý.**

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra hiện trạng, thẩm định phương án xử lý để trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án, quyết định xử lý tài sản công theo đúng quy định. **Thời gian thực hiện: thường xuyên, liên tục.**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời tham mưu xem xét điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo đúng quy định, phù hợp điều kiện thực tế để tránh lãng phí nguồn lực khi có đề xuất hoặc khi có yêu cầu. **Thời gian thực hiện: thường xuyên, liên tục.**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương về trình tự, thủ tục xử lý các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả được thu hồi, chuyển giao về địa

phương quản lý, xử lý đối với các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. **Thời gian thực hiện: trong tháng 4/2025.**

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Đối với 12 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị trung ương đã có Quyết định chuyển giao về tỉnh Nghệ An quản lý, xử lý (mục I tại Phụ lục Chi tiết danh mục)

- UBND thành phố Vinh, UBND các huyện: Quế Phong, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Yên Thành, Diễn Châu, Tương Dương, Con Cuông, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc căn cứ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được phê duyệt đề xuất phương án xử lý các cơ sở nhà, đất này theo các hình thức quy định tại pháp luật về Tài sản công và pháp luật về Đất đai, gửi về Sở Tài chính để thẩm định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 30/4/2025.**

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định phương án xử lý đề xuất của UBND thành phố Vinh, các huyện để trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án, quyết định xử lý theo đúng quy định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 30/5/2025.**

- Thực hiện phương án được phê duyệt: Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện phương án theo quyết định được phê duyệt. **Thời gian thực hiện: tối đa 03 tháng kể từ ngày quyết định được phê duyệt.**

2.2. Đối với 03 cơ sở nhà, đất của các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp và Môi trường quản lý (mục II tại Phụ lục Chi tiết danh mục)

- Sở Nông nghiệp và Môi trường lập phương án sắp xếp hoặc đề nghị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất này theo các hình thức quy định tại pháp luật về Tài sản công, gửi về Sở Tài chính để thẩm định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 20/4/2025.**

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định phương án đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án, quyết định xử lý theo đúng quy định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 30/4/2025.**

- Thực hiện phương án được phê duyệt: Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện phương án theo quyết định được phê duyệt. **Thời gian thực hiện: tối đa 03 tháng kể từ ngày quyết định được phê duyệt.**

2.3. Đối với 190 cơ sở nhà, đất thuộc cấp huyện quản lý đã được phê duyệt phương án sắp xếp nhưng chưa thực hiện phương án sắp xếp hoặc phương án sắp xếp chưa phù hợp nên không thực hiện được phương án (mục III tại Phụ lục Chi tiết danh mục)

- UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được phê duyệt, đề xuất điều chỉnh phương án xử lý các cơ sở nhà, đất này từ các hình thức: giữ lại tiếp tục sử dụng; bán tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang các hình thức theo đúng quy định: thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý,... gửi về Sở Tài chính để thẩm định. Trường hợp không phải điều chỉnh phương án sắp xếp thì UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động đề xuất phương án xử lý, trong đó nêu rõ giải pháp, kiến nghị để thực hiện. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/5/2025.**

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định phương án đề xuất của UBND các huyện, thành phố, thị xã để trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án, quyết định xử lý theo đúng quy định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/6/2025.**

- Thực hiện phương án được phê duyệt: Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện phương án theo quyết định được phê duyệt. **Thời gian thực hiện: tối đa 03 tháng kể từ ngày quyết định được phê duyệt.**

2.4. Đối với 73 cơ sở nhà, đất thuộc cấp huyện quản lý chưa được phê duyệt phương án sắp xếp (mục III tại Phụ lục Chi tiết danh mục)

- UBND các huyện, thành phố, thị xã khẩn trương lập và đề xuất phương án sắp xếp các cơ sở nhà, đất này theo các hình thức quy định tại pháp luật về Tài sản công và pháp luật về Đất đai, gửi về Sở Tài chính để thẩm định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/5/2025.**

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định phương án đề xuất của UBND các huyện, thành phố, thị xã để trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án, quyết định xử lý theo đúng quy định. **Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/6/2025.**

- Thực hiện phương án được phê duyệt: Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện phương án theo quyết định được phê duyệt. **Thời gian thực hiện: tối đa 03 tháng kể từ ngày quyết định được phê duyệt.**

3. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát

3.1. Kiểm tra, giám sát

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này đối với các cơ quan, đơn vị, các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý;

+ Phát hiện, kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

+ Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ phương án sắp xếp, xử lý.

- Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương liên quan:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định.

+ Báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ phương án xử lý các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích. **Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu.**

3.2. Chế độ báo cáo

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch (bao gồm: kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ; những khó khăn, vướng mắc; đề xuất, kiến nghị) gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung.

Thời gian: Định kỳ trước ngày 20 của tháng cuối quý.

- Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch trên toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định. **Thời gian: Định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý.**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công; Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đúng thời gian quy định.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu báo cáo và việc thực hiện xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích tại cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi quản lý.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT KT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

Phu lục Tổng hợp:
Danh mục tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả hoặc sử dụng không đúng mục đích
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
(1)	(2)	(3)= (4)+(8)+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19) = (3) - (16)	(20)	(21)
	Tổng cộng (I+II+III)	278	278	636.235,9	96.093,8	92.012,6	-	-	-	-	-	-	-	-	204	-	-	74		
I	Các cơ sở nhà, đất thuộc trung ương quản lý đã chuyển giao về tỉnh	12	12	13.532,70	6.544,40	8.411,40	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	0		
II	Các cơ sở nhà, đất thuộc cấp tỉnh quản lý	3	3	2.253,3	288,0	288,0	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	1		
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	2	1.492,9	191,9	191,9	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	0		
2	Hạt Kiểm lâm Nghĩa Đàn - Thái Hoà	1	1	760,4	96,1	96,1	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-	-	1		
III	Các cơ sở nhà, đất thuộc cấp huyện quản lý	263	263	620.449,9	89.261,4	83.313,2	-	-	-	-	-	-	-	-	190	-	-	73		
1	Huyện Con Cuông	15	15	41.366,1	6.750,3	6.750,3	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	0		
2	Huyện Yên Thành	2	2	1.613,4	414,5	828,9	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1		
3	Huyện Anh Sơn	17	17	89.075,0	7.876,0	7.876,0	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	-	0		
4	Huyện Quỳnh Lưu	6	6	10.515,5	1.348,3	1.348,3	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-	-	6		
5	Huyện Nghĩa Đàn	10	10	25.609,3	4.234,8	5.099,3	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	3		
6	Huyện Tương Dương	39	39	43.464,6	7.127,1	6.994,9	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-	-	39		
7	Huyện Diễn Châu	3	3	1.885,4	469,3	276,1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2		
8	Huyện Nghi Lộc	3	3	14.097,9	2.155,0	2.260,0	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	1		
9	Thị xã Thái Hòa	3	3	11.775,7	8.774,2	2.037,7	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	1		
10	Huyện Thanh Chương	6	6	89.852,6	4.207,9	4.207,9	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	0		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại												Kết quả xử lý					Ghi chú
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý	
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
(1)	(2)	(3) = (4)+(8)+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19) = (3) - (16)	(20)	(21)
11	Huyện Hưng Nguyên	3	3	10.435,5	2.732,9	2.732,9	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	0		
12	Huyện Tân Kỳ	31	31	86.175,5	7.928,8	7.928,8	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	7		
13	Huyện Đô Lương	6	6	14.608,0	4.118,4	5.013,4	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	1		
14	Huyện Nam Đàn	27	27	80.383,4	15.102,0	15.073,2	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	3		
15	Huyện Quỳnh Châu	16	16	36.624,8	3.898,8	4.238,8	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	-	0		
16	Huyện Quế Phong	25	25	1.718,0	327,0	327,0	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	0		
17	Huyện Kỳ Sơn	25	25	17.942,5	5.615,6	3.637,2	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	0		
18	Huyện Quỳnh Hợp	23	23	37.605,6	4.047,7	4.187,7	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	0		
19	Thành phố Vinh (địa phận thị xã Cửa Lò cũ)	3	3	5.701,1	2.132,8	2.494,8	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	-	7		
															1	-	-	2		

Phu lục Chi tiết:
Danh mục tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả hoặc sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 02/4 /2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại												Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý		
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng							
(1)	(2)	(3) = (4)+(8)+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19) = (3) - (16)	(20)	(21)	
Tổng cộng (I+II+III)		278	278	635.785,9	96.093,8	92.012,6	0	0	0	0	0	0	0	0	204			74			
I	Các cơ sở nhà, đất thuộc TW quản lý đã chuyển giao về tỉnh	12	12	13.532,7	6.544,4	8.411,4	0	0	0	0	0	0	0	0	12			0		0	
1	Trụ sở cũ Kho bạc Nhà nước huyện Quế Phong tại Khối 8 thị trấn kim Sơn, huyện Quế phong	1	1	1.228,00	138	138									1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang thực hiện do chờ điều chỉnh quy hoạch				
2	Trụ sở cũ Kho bạc nhà nước Tân Kỳ tại Khối 3, thị trấn Tân Kỳ	1	1	1.364,60	531	862								1							
3	Trụ sở cũ Kho bạc nhà nước Quỳnh Châu tại Khối 2 thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu	1	1	924,2	774	774								1							
4	Trụ sở cũ Tòa án tỉnh tại Số 105 A Nguyễn Thị Minh Khai, TP Vinh	1	1	2.110,10	768	2.304,00								1							
5	Trụ sở cũ Ngân hàng chính sách huyện Yên Thành tại Khối 2 thị trấn Yên Thành	1	1	2.165,00	768,9	768,9								1							
6	Ngân hàng Nông nghiệp Số 03 đường Phan Tấn Thông, thành phố Vinh	1	1	430	418	418								1							

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
7	Kho dự trữ Cầu Bùng tại thôn Cầu Bùng, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	1	1	2.302,10	1.123,00	1.123,00									1					
8	Bảo hiểm xã hội Quý Châu tại Khối 3 thị trấn Quý Châu	1	1	829,5	347,4	347,4									1					
9	Bảo hiểm xã hội Tương Dương tại Thị trấn Hòa Bình huyện Tương Dương	1	1	455,7	321,1	321,1									1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang thực hiện do chờ điều chỉnh quy hoạch			
10	Bảo hiểm xã hội Quỳnh lưu tại Xã Quỳnh Hồng huyện Quỳnh Lưu	1	1	378	325	325								1						
11	Bảo hiểm xã hội Con Cuông tại Thị trấn Con Cuông	1	1	861	465	465								1						
12	Bảo hiểm xã hội Nghi Lộc tại Thị trấn Quán hành, huyện Nghi Lộc	1	1	484,5	565	565								1						
II	Các cơ sở nhà, đất thuộc cấp tỉnh quản lý	3	3	2.253,3	288,0	288,0	0	0	0	0	0	0	0	0	2					1
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	2	1.492,9	191,9	191,9	0	0	0	0	0	0	0	0	2			0		
1.1	Chi cục Chăn nuôi và thú y	2	2	1.492,9	191,9	191,9	0	0	0	0	0	0	0	0	2			0		
1.1.1	Cơ sở tại xóm 9 xã Diễn Thịnh huyện Diễn Châu	1	1	1.000,1	93,2	93,2									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.1.2	Cơ sở tại xóm Tân Xuân xã Quỳnh Bảng huyện Quỳnh Lưu	1	1	492,8	98,7	98,7									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	
2	Hạt Kiểm lâm Nghĩa Đàn - Thái Hoà	1	1	760,4	96,1	96,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0			1		
	Trạm Kiểm lâm địa bàn Quang Phong, địa chỉ: Phường Quang Phong, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An	1	1	760,4	96,1	96,1												1	Thu hồi	Đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
III	Các cơ sở nhà, đất thuộc cấp huyện quản lý	263	263	619.999,9	89.261,4	83.313,2	-	-	-	-	-	-	-	-	190			73	0	
1	Huyện Con Cuông	15	15	41.366,1	6.750,3	6.750,3	0	0	0	0	0	0	0	0	15			0		
1.1	Trường mầm non Môn Sơn (Điểm trường bán Thái hòa, xã Môn Sơn - Trường mầm non 1 Môn Sơn - cũ)	1	1	1.227,8	165	165									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.2	Trường tiểu học 1 Môn Sơn (Điểm trường bán Nam Sơn, xã Môn Sơn)	1	1	5.607,0	372	372									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.3	Trường tiểu học Châu Khê (Điểm trường bán diêm, xã Châu Khê - trường tiểu học 2 Châu Khê - cũ)	1	1	628,5	104	104									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.4	Trường tiểu học Lục Dạ (Điểm bán Yên Hòa, xã Lục Dạ - trường tiểu học 2 Lục Dạ cũ)	1	1	1.433,9	310	310									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.5	Trường tiểu học Thạch Ngàn																			
1.5.1	Điểm trường Bán Kê Tre, xã Thạch Ngàn - trường tiểu học 1 Thạch Ngàn (cũ)	1	1	2.142,0	310	310									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
1.5.2	Điểm trường Bán Kê Tát, xã Thạch Ngàn - trường tiểu học 2 Thạch Ngàn (cũ)	1	1	2.172,2	310	310									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại												Kết quả xử lý					Ghi chú
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích					Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý	
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
1.5.3	Điểm trường Bán Pá Hạ, xã Thạch Ngàn - trường tiểu học 2 Thạch Ngàn (cũ)	1	1	987,8	248	248								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
1.6	Trường mầm non thị trấn (Điểm trường mầm non thị trấn cũ - Khối 5 thị trấn)	1	1	3.132,7	1.430	1.430								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
1.7	Trường mầm non Cam Lâm (Điểm trường Bán Cai, xã Cam Lâm)	1	1	885,5	127	127								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
1.8	Trường tiểu học Bồng Khê (Điểm trường Thôn Thanh nam, xã Bồng Khê, điểm trường THCS dân tộc nội trú mượn trước đây)	1	1	11.544,0	1.499,6	1.499,6								1	Thu hồi				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
1.9	Trường tiểu học Lạng Khê Điểm trường Bán Chôm lôm, xã Lạng Khê	1	1	6.739,1	434	434								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
1.10	Trường PTDTBTTH Cam Lâm (Điểm trường Bán Cai, xã Cam Lâm)	1	1	1.433,8	341	341								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng				Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
1.11	UBND xã Bồng Khê (cũ)																			

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
1.11.1	Trụ sở UBND xã Bồng Khê (cũ) - (Thôn Liên tân, xã Bồng Khê)	1	1	964,5	335,4	335,4								1	Điều chuyển làm trụ sở công an xã, thị trấn chính quy					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
1.11.2	Nhà văn hóa cộng đồng cũ - (Thôn Liên tân, xã Bồng Khê)	1	1	821,0	250,8	250,8								1	Thu hồi					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
1.10	UBND xã Mậu Đức (Trụ sở UBND xã Mậu Đức cũ - (Thôn Thống nhất, xã Mậu Đức)	1	1	1.646,3	513,5	513,5								1	Điều chuyển làm trụ sở công an xã Mậu Đức					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
2	Huyện Yên Thành	2	2	1613,4	414,456	828,912	0	0	0	0	0	0	0	1				1		
2.1	Trụ sở cũ UBND Thị Trấn huyện Yên Thành	1	1	1.293,40	360,00	720,00								1	Bán đấu giá	Đang thực hiện				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
2.2	UBND huyện Yên Thành (Trụ sở đội thuế liên xã số 1 - Thị Trấn)	1	1	320,00	54,46	108,91												1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
3	Huyện Anh Sơn	17	17	89.075	7.876	7.876	0	0	0	0	0	0	0	17	0	0	0	0	0	
3.1	Trường mầm non Hùng Sơn, (Điểm trường cũ thôn 4, xã Hùng Sơn)	1	1	3.101,50	745	745								1	Thu hồi					Chưa có QĐ thu hồi
3.2	Trung tâm văn hoá, Thể thao và truyền thông huyện (Đài TH cũ)	1	1	1.715,60	357,2	357,2								1	Bán đấu giá					Đã có QĐ xử lý bán nhưng bán đấu giá không thành

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
3.3	Trụ sở cũ UBND xã Phúc Sơn	1	1	1.079,10	388,5	388,5								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang thực hiện				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
3.4	Trường Tiểu học Cao Sơn (Điểm trường lẻ tại Thôn 2, xã Cao Sơn)	1	1	9.254,20	648	648								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi		Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
3.5	Trường Tiểu học Phúc Sơn (Điểm trường lẻ tại Bãi Lim, xã Phúc Sơn)	1	1	4.101,70	294	294								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi		Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
3.6	Trường Tiểu học Tường Sơn (Điểm trường lẻ cơ sở 2 tại Thôn 9, xã Tường Sơn)	1	1	8.463,70	802,6	802,6								1	Thu hồi	Đang thực hiện				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
3.7	Trường TH Thạch Thị (Điểm tại trường xã Thạch Sơn)	1	1	7.568,90	1.200,00	1.200,00								1	Thu hồi	Đang thực hiện				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
3.8	Trường Mầm non Cao Sơn (Điểm trường lẻ tại Thôn 2, xã Cao Sơn)	1	1	2.059,80	110,5	110,5								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi		Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
3.9	Trường Mầm non Cao Sơn (Điểm trường lẻ tại Thôn 7, xã Cao Sơn)	1	1	726,4	110	110								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi		Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
3.10	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện (Trạm Bảo vệ thực vật cũ)	1	1	197	96,78	96,78								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đang thực hiện		Thu hồi		Đang chờ điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
3.11	Trường Mầm non Tào Sơn (Điểm trường lẻ tại Thôn 4, xã Tào Sơn)	1	1	3.340,20	209	209								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
3.12	UBND xã Cẩm Sơn (Điểm trường tiểu học Cẩm Sơn cơ sở 2 tại Thôn Hội Lâm, xã Cẩm Sơn)	1	1	7.459,60	567	567								1	Điều chuyển	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
3.13	Trường THCS Phúc Sơn, (Điểm trường Cao Vều)	1	1	4.229,80	109,2	109,2								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
3.14	Trường Mầm non Thạch Thị (Cơ sở cũ trường mầm non Thạch Sơn)	1	1	800,1	0	0								1	Thu hồi	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
3.15	Trường Tiểu học xã Lĩnh Sơn (Cơ sở thôn 1, xã Lĩnh Sơn)	1	1	11.669,20	195	195								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang thực hiện		Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
3.16	Trụ sở UBND xã Tam Đình (trụ sở xã tam sơn cũ)	1	1	4.685,00	920	920								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
3.17	Trụ sở UBND Thị trấn Kim Nhan (trụ sở xã Thạch sơn cũ)	1	1	3.942,00	735	735								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
4	Huyện Quỳnh Lưu	6	6	10.515,5	1.348,3	1.348,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
4.1	UBND xã Quỳnh Giang (Trụ sở cũ UBND xã Quỳnh Giang)	1	1	7.934,7	772,3	772,3											1	Đề xuất chuyển làm chợ	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
4.2	UBND xã Quỳnh Châu																			
4.2.1	Trụ sở cũ UBND xã Quỳnh Châu	1	1	1.704,8	300,0	300,0											1	Đề xuất chuyển làm trụ sở công an xã	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
4.2.2	Trụ sở đội thuế cũ xã Quỳnh Châu	1	1	356,0	66,0	66,0											1	Đề xuất bán đấu giá đất	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
4.3	UBND xã Quỳnh Ngọc (Trụ sở đội thuế cũ xã Quỳnh Ngọc)	1	1	240,0	65,0	65,0											1	Đề xuất thanh lý ts trên đất	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
4.4	UBND xã Quỳnh Bảng (Trụ sở đội thuế cũ xã Quỳnh Bảng)	1	1	220,0	85,0	85,0											1	Đề xuất chuyển làm nhà văn hoá thôn	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
4.5	Trường Tiểu học Quỳnh Tân B	1	1	60	60	60											1	Thu hồi	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
5	Huyện Nghĩa Đàn	10	10	25.609,3	4.234,8	5.099,3	0	0	0	0	0	0	0	7	0	0	3			
5.1	Trạm y tế xã Nghĩa Lợi	1	1	2.212	77,8	77,8											1	Đấu giá quyền sử dụng đất	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
5.2	Trụ sở UBND xã Nghĩa Khánh (cũ)	1	1	2.432	668	668								1	Bán đấu giá	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
5.3	Cơ sở trường Mầm Non xã Nghĩa Minh (cơ sở 2 điểm lẻ) cũ	1	1	2.452	0	0											1	Đấu giá quyền sử dụng đất	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
5.4	Trụ sở UBND xã Nghĩa Liên cũ/ Xã Nghĩa Thành, Huyện Nghĩa Đàn	1	1	2.756	753	964								1	Bán đấu giá	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú				
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý						
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý			
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng									
5.5	Trụ sở UBND xã Nghĩa Thắng cũ/ Xã Nghĩa Thành, Huyện Nghĩa Đàn	1	1	5.117	919	1.172									1	Bán đấu giá	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
5.6	Trạm y tế xã Nghĩa Liên cũ/ Xã Nghĩa Thành, Huyện Nghĩa Đàn	1	1	1.118	356	356									1	Điều chuyển	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
5.7	Trường Tiểu học Nghĩa Mai vị trí tại Làng Mai Hợp	1	1	2368,4	410,3	410,3									1	Bán đấu giá	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
5.8	Nhà văn hóa xóm Gày cũ/xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	1	1	280	60	60									1	Bán đấu giá	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
5.9	Trường Trung học cơ sở Lợi Lạc/xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	1	1	7.601	912	912									1	Điều chuyển	Đang thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
5.10	Trung tâm dân số huyện Nghĩa Đàn (cũ)	1	1	1.642	490	890,8												1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch			
6	Huyện Tương Dương	39	39	43.464,6	7.127,1	6.994,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	39			
6.1	Trụ sở làm việc UBND xã Thạch Giám cũ	1	1	9.348	438	721															1	Điều chuyển	
6.2	Trường MN Hoà Bình (cũ)	1	1	1.135	780	115																1	Điều chuyển
6.3	Trường MN thị trấn Hoà Bình (cũ), Khu TĐC Vườn Xoài	1	1	944	93	93																1	Điều chuyển
6.4	Trung tâm y tế dự phòng huyện Tương Dương, khu số 1																						
*	Thửa số 1	1	1	136	90	90																1	Bán đấu giá đất ở
*	Thửa số 2	1	1	404	105	105																1	Bán đấu giá đất ở
*	Thửa số 3	1	1	1.329	0	0																1	Bán đấu giá đất ở

Các phương án bán và điều chuyển:

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
6.5	Trung tâm dân số KHH-GD huyện Trương Dương cũ	1	1	338	250	500											1	Bán đấu giá đất ở	Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chưa phù hợp, địa phương đang thực hiện rà soát để điều chỉnh theo quy định	
6.6	Trường TH Yên Na																			
*	Điểm trường Huồi Xén cũ	1	1	570	236	236											1	Bán đấu giá đất ở		
*	Điểm trường bản Xốp Pu	1	1	833	207	207											1	Điều chuyển		
9	Điểm trường bản Na Pu cũ	1	1	1.649	107	107											1	Bán đấu giá đất ở		
6.7	Trường TH Mai Sơn																			
*	Điểm trường Na Kha	1	1	421	154	154											1	Điều chuyển		
*	Điểm trường Huồi Xá	1	1	903	182	182											1	Điều chuyển		
6.8	Trường PTDTBT THCS Mai Sơn																			
*	Trường THCS Mai Sơn (cũ)	1	1	2.353	0	0											1	Điều chuyển		
*	Ký túc xã GV Trường THCS Mai Sơn (Huồi Xá)	1	1	526	0	0											1	Điều chuyển		
6.9	Trường MN Tam Đình (Điểm trường Quang Thịnh)	1	1	541	150	150											1	Bán đấu giá đất ở		
6.10	Trường TH Tam Quang 1																			
*	Trường TH Tam Quang Làng Mỏ	1	1	1.886	217	217											1	Điều chuyển		
*	Trường TH Tam Quang 1, khối Làng Nhùng, xã Tam Quang	1	1	3.279	154	154											1	1 phần điều chuyển, 1 phần bán đấu giá đất ở		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
6.11	Trường TH Tam Quang 2																			
*	Trường Tiểu học Tam Quang 2, khối bản Tam Liên	1	1	1.571	253	253										1	Bán đấu giá đất ở	Các phương án bán và điều chuyển: Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chưa phù hợp, địa phương đang thực hiện rà soát để điều chỉnh theo quy định		
*	Trường TH Tam Quang 2, điểm trường Tam Hương	1	1	1.100	227	227										1	Bán đấu giá đất ở			
*	Trường TH Tam Quang 2, khối Tân Hương, xã Tam Quang	1	1	1.096	320	320										1	Bán đấu giá đất ở			
*	Trường TH Tam Quang 2 khối Tùng Hương (Liên Hương cũ), xã Tam Quang	1	1	793	274	274										1	Bán đấu giá đất ở			
6.12	Trường MN Tam Quang																			
*	Trường Mầm Non bản Tùng Hương	1	1	496	164	164										1	Bán đấu giá đất ở			
*	Trường Mầm Non bản Tam Hương,	1	1	291	120	120										1	Bán đấu giá đất ở			
6.13	Trường TH Tam Thái																			
*	Trường TH bản Xóng Con	1	1	887	165	165										1	Bán đấu giá đất ở			
*	Trường TH bản Khôi	1	1	694	105	105										1	Bán đấu giá đất ở			
*	Điểm trường Cây Me	1	1	785	204	204										1	Điều chuyển			
6.14	Trụ sở UBND xã Xá Lương(cũ)	1	1	867	0	0										1	Điều chuyển			
6.15	Trường TH Xá Lương																			
*	Trường TH Xá Lương (điểm trường Thạch Dương)	1	1	653	201	201										1	Điều chuyển			

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
*	Trường TH Xá Lượng (điểm trường Bàn Ang)	1	1	1.441	260	260											1	Bán đấu giá đất ở		
6.16	Trường TH Yên Thắng																			
*	Trường tiểu học (bản Púng)	1	1	1.622	227	227											1	Bán đấu giá đất ở		
*	Trường tiểu học (bản Xốp Cốc)	1	1	790	222	222											1	Điều chuyển		
6.17	Trường tiểu học(bản Xốp Khấu)	1	1	785	252	252											1	Điều chuyển		
6.18	Trường MN Yên Thắng																			
*	Trường mầm non(bản Cảnh Tạng)	1	1	364	118	118											1	Bán đấu giá đất ở		
*	Trường mầm non(bản Xốp Khấu)	1	1	375	157	157											1	Điều chuyển		
6.19	Trường PTDTBT TH Yên Tĩnh																			
*	Trường tiểu học bản Cảnh Tong	1	1	483	175	175											1	Điều chuyển		
*	Trường tiểu học bản Văng Cuộm	1	1	477	175	175											1	Bán đấu giá đất ở		
*	Nhà công vụ giáo viên Trường TH bản Văng Cuộm	1	1	254	94	94											1	Điều chuyển		
6.20	Trường MN Yên Tĩnh																			
*	Trường Mầm Non Văng cuộm	1	1	309	81	81											1	Bán đấu giá đất ở		
*	Trường Mầm Non Cha Lúm	1	1	739	170	170											1	Bán đấu giá đất ở		
7	Huyện Diên Châu	3	3	1.885,4	469,3	276,1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2			
7.1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp																			

Các phương án bán và điều chuyển: Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chưa phù hợp, địa phương đang thực hiện rà soát để điều chỉnh theo quy định

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
*	Trạm Bảo vệ thực vật	1	1	1.094	161	80,5											1	Chuyển về UBND huyện để quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
*	Trạm Chăn nuôi và thú y	1	1	691	190	95											1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
7.2	Trụ sở Đội Thuế Điền Kỳ cũ	1	1	100,44	118,34	100,59								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý		0	Thu hồi	Trụ sở nằm trong quy hoạch đường giao thông	
8	Huyện Nghi Lộc	3	3	14098	2155	2260	0	0	0	0	0	0	0	2		0	0	1	0	
8.1	Trung tâm văn hóa TTTT huyện Nghi Lộc	1	1	5.246,0	1.247,0	1.352,0								1	Thu hồi	Đang xử lý				Đã phê duyệt phương án sắp xếp, chưa có qđ xử lý, hiện đang chờ điều chỉnh quy hoạch để thu hồi, bán đấu giá
8.2	Văn phòng HĐND UBND huyện (Nhà nghỉ kiêm dưỡng lão huyện Nghi Lộc tại thị xã Cửa Lò)	1	1,0	2.475,0	105,0	105,0												1		Đang trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp thu hồi

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý				
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
8.3	Trụ sở UBND xã Nghi Hợp cũ	1	1,0	6.376,9	803,0	803,0									1	Thu hồi	Đang xử lý			Đã phê duyệt phương án sắp xếp, chưa có qđ xử lý, hiện đang chờ điều chỉnh quy hoạch để thu hồi, bán đấu giá
9	Thị xã Thái Hòa	3	3	11.775,7	8.774,2	2.037,7	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0	
9.1	Trụ sở UBND xã Nghĩa Hòa (cũ)	1	1	7.744,5	7.744,5	1.008,0									1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
9.2	Nhà Văn hóa xã Nghĩa Hòa (cũ)	1	1	2.997,2	918,2	918,2									1	Bán đấu giá	Chưa thực hiện			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
9.3	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã Thái Hòa (Trạm chăn nuôi và thú y cũ)	1	1	1.034,0	111,5	111,5												1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
10	Huyện Thanh Chương	6	6	89.852,6	4.207,9	4.207,9	0	0	0	0	0	0	0	0	6			0		
10.1	Trường MN Phong Thịnh	1	1	1.481,0	211,0	211,0									1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
10.2	Trường THCS Phong Thịnh	1	1	8.826,0	1.064,0	1.064,0									1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
10.3	Trường THCS Đồng Tường	1	1	4.303,0	737,3	737,3									1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
10.4	Trường THCS Thanh Ngọc	1	1	71.921,6	1.903,4	1.903,4									1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý				
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý	
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng							
10.5	Trạm Y tế xã Đại Đồng (trạm Y tế xã Thanh Hưng cũ)	1	1	2.648,0	239,3	239,3										1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
10.6	Cơ sở 2 trường MN Thanh Lương, xã Thanh Lương	1	1	673,0	52,9	52,9										1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
11	Huyện Hưng Nguyên	3	3	10.435,5	2.732,9	2.732,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	
11.1	Trụ sở làm việc Đảng Ủy-HĐND-UBND xã Long Xá (xã Hưng Long cũ)	1	1	1.623,0	280,0	280,0										1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
11.2	Trụ sở làm việc Đảng Ủy-HĐND-UBND xã Hưng Thành (xã Hưng Phú cũ)	1	1	5.486,2	1.120,9	1.120,9										1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
11.3	Trụ sở làm việc Đảng Ủy-HĐND-UBND xã Hưng Nghĩa (xã Hưng Tiến cũ)	1	1	3.326,3	1.332,0	1.332,0										1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
12	Huyện Tân Kỳ	31	31	86.175,5	7.928,8	7.928,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24	0	0	7	0	
12.1	Trường TH Phú Sơn (cụm Môn Sơn)	1	1	3.348,0	640,3	640,3													1	Thu hồi	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
12.2	Trường THCS xã Nghĩa Hành (địa điểm xóm Hưng Hòa: Thửa đất số 9, tờ bản đồ địa chính số 75)	1	1	1.785,8	0	0													1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
12.3	Trụ sở UBND xã Nghĩa Bình (trụ sở cũ)	1	1	3.231,3	591,0	591,0													1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
12.4	Trụ sở UBND xã Tân Xuân	1	1	1.714,4	206,6	206,6										1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.5	Đất UBND xã Tiên Kỳ cũ	1	1	3.627,7	364,4	364,4										1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.6	Trường MN Tân Xuân (Đất cụm lẻ - Xóm Yên Xuân)	1	1	2.112,3	207,6	207,6										1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.7	Trường MN Tân Hợp cụm Tân Lập	1	1	1.801,3	210,0	210,0										1	Điều chuyển	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.8	Trường MN Nghĩa Hành (cơ sở 2)	1	1	7.431,4	257,4	257,4							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.9	Trường TH Tiên Kỳ	1	1	6.120,0	256,0	256,0							1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.10	Trụ sở UBND xã Nghĩa Hành (trụ sở cũ)	1	1	5.729,9	660,5	660,5							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.11	Trụ sở UBND xã Đồng Văn (trụ sở cũ)	1	1	3.571,8	598,8	598,8							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.12	Trụ sở cũ xã Tân An	1	1	2.103,0	322,0	322,0							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.13	Trường MN Phú Sơn, cụm Quyết Thắng (cơ sở 4)	1	1	2.194,0	80,0	80,0							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
12.14	Trường TH Kỳ Tân, cụm Thanh Tân	1	1	3.025,0	488,0	488,0							1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại												Kết quả xử lý					Ghi chú
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý	
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
12.15	Trường THCS xã Kỳ Tân, cụm Diễn Nam	1	1	1.075,9	246,2	246,2								1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.16	Trụ sở UBND xã Nghĩa Hoàn (cũ)	1	1	437,9	199,5	199,5								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.17	Trường MN Phú Sơn, cụm Hùng Sơn (cơ sở 5)	1	1	1.811,0	335,0	335,0								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.18	Trường MN Phú Sơn, cụm Hùng Sơn (cơ sở 6)	1	1	732,4	61,8	61,8								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.19	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp (cơ sở 2 - Trạm thú y cũ)	1	1	511,5	139,0	139,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.20	Trường MN Tân An (cơ sở 2)	1	1	914,2	120,0	120,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.21	Trường MN Tân An (cơ sở 3)	1	1	1.261,2	140,0	140,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.22	Trường MN Giai Xuân 1 (phân hiệu 2)	1	1	519,0	172,5	172,5								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
12.23	Trường MN Tân Hương (cơ sở 3)	1	1	521,4	123,2	123,2								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.24	Trường MN Tân Hương (cơ sở 4)	1	1	600,1	91,3	91,3								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.25	Trường TH Kỳ Tân (cơ sở 1)	1	1	3.025,0	565,0	565,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.26	Trường TH Hoàn Long (cơ sở 2)	1	1	776,0	228,0	228,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.27	Trường TH Hoàn Long (cơ sở 4)	1	1	4.000,0	246,0	246,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.28	Trường TH Nghĩa Phúc (phân hiệu 3)	1	1	5.928,9	0,0	0,0								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng											
12.29	Trường TH Đồng Văn 3	1	1	4.549,4	250,2	250,2								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.30	Trường TH Nghĩa Hành (cơ sở 4)	1	1	10.282,9	72,5	72,5								1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
12.31	Trường TH Nghĩa Hành (cơ sở 3)	1	1	1.432,8	56,0	56,0								1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
13	Huyện Đô Lương	6	6	14.608,0	4.118,4	5.013,4	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0	1	0		
13.1	Trường Mầm non Lưu Sơn	1	1	2.264,0	583,0	583,0												1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
13.2	Trường THCS Đội Cung xã Lưu Sơn phân hiệu 2	1	1	7.978,0	1.475,9	1.475,9								1	Điều chuyển	Đang xử lý			Điều chỉnh quy hoạch văn hóa tâm linh	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
13.3	Nhà khách Huyện ủy	1	1	1.308,6	783,6	1.190,2								1	Bán đấu giá	Đang xử lý				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
13.4	Trụ sở Chi cục Thuế (cũ)	1	1	1.999,7	921,0	1.075,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
13.5	Trụ sở Hạt kiểm lâm (Cũ)	1	1	669,6	259,0	518,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
13.6	Trung tâm DVNN huyện	1	1	388,1	95,9	171,3								1	Bán đấu giá	Đang xử lý				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại												Kết quả xử lý					Ghi chú
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý	
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
14	Huyện Nam Đàn	27	27	80.383,4	15.102,0	15.073,2	0	0	0	0	0	0	0	0	24	0	0	3		
*	Thị trấn Nam Đàn																			
14.1	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND, UBND Thị trấn Nam Đàn (Thị trấn cũ)	1	1	2.974,0	285,60	256,80									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển để làm trụ sở CA xã	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
14.2	Trạm Y tế Thị trấn Nam Đàn (Khu vực thị trấn cũ)	1	1	1.152,80	394,00	394,00									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
14.3	Trường mầm non thị trấn 1 (Trường mầm non Liên cơ cũ)	1	1	1.223,80	5,87	5,87									1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
14.4	Trường Mầm non Thị trấn 2 Thị trấn Nam Đàn (Trường mầm non Nam Thượng cũ)	1	1	1.284,80	226,30	226,30									1	Thu hồi				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
14.5	Trường tiểu học thị trấn (Trường tiểu học Nam Thượng)	1	1	2.647,00	352,00	352,00												1	Điều chuyển để làm nhà VH xóm	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
14.6	Trạm y tế Thị trấn (Nam Thượng cũ)	1	1	389,00	152,30	152,30									1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng quyền SDD	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
*	Xã Trung Phúc Cường																			
14.7	Trụ sở làm việc Đảng ủy-UBND xã Nam Cường cũ	1	1	3.836	1.200	1.200									1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Bán đấu giá	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
14.8	Trụ sở làm việc Đảng ủy-UBND xã Nam Trung cũ	1	1	3.719	1.100	1.100								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Bán đấu giá	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
14.9	Trạm y tế xã Nam Cường cũ	1	1	1.953	900	900											1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.10	Trạm y tế xã Nam Phúc cũ	1	1	2.400	500	500											1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.11	Trường THCS Nam Phúc cũ	1	1	8.423,2	1.200	1.200								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Bán đấu giá	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
*	Xã Thượng Tân Lộc																			
14.12	Trụ sở UBND xã Nam Thượng Cũ	1	1	3.892,10	1.398,00	1.398,00								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển làm nhà VH xóm	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
14.13	Trụ sở UBND xã Nam Lộc	1	1	5.004,80	1.420,90	1.420,90								1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển sang làm trường THCS	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
14.14	Đơn vị y tế Nam Thượng cũ (xóm 2 xã Nam Thượng cũ)	1	1	4.659,30	314,30	314,30								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.15	Đơn vị y tế Nam Thượng cũ (xóm 3 xã Nam Thượng cũ)	1	1	2.189,40	146,20	146,20								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.16	Trạm y tế Nam Lộc cũ	1	1	887,30	640,60	640,60								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
*	Xã Nam Xuân																			
14.17	Trường mầm non xóm Xuân Hồ xã Nam Xuân (xóm 10 cũ)	1	1	2.970,90	418,20	418,20								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.18	Trường mầm non xóm Xuân Sơn xã Nam Xuân (xóm 6 cũ)	1	1	3.759,30	441,80	441,80								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
*	Xã Khánh Sơn																			
14.19	Trường mầm non Khánh Sơn 2, xã Khánh Sơn (xóm 10)	1	1	780,10	111,00	111,00								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.20	Trường mầm non Khánh Sơn 2, xã Khánh Sơn (xóm 8)	1	1	254,50	120,00	120,00								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.21	Trường Tiểu học Khánh Sơn 2, xã Khánh Sơn (xóm 10)	1	1	1.722,20	420,00	420,00								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.22	Trường mầm non Khánh Sơn 2, xã Khánh Sơn (xóm 12)	1	1	530,00	79,00	79,00								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng											
14.23	Trường Mầm non xã Hồng Long cũ	1	1	1.858,40	710,60	710,60								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.24	Trường Mầm non Xã Xuân Lâm cụm 17 cũ	1	1	3.702,20	467,90	467,90								1	Điều chuyển		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
14.25	Trường Mầm non Xã Nam Lĩnh cụm Dó xã Nam Lĩnh	1	1	650,00	219,90	219,90								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.26	Trường tiểu học Nam Anh cũ	1	1	8.335,30	1.052,40	1.052,40								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
14.27	Trường Tiểu học xã Nam Thanh cũ	1	1	9.185,00	825,10	825,10								1	Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSDĐ	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15	Huyện Quỳnh Châu	16	16	36.624,8	3.898,8	4.238,8	-	-	-	-	-	-	-	16						
15.1	Trường tiểu học Châu Bình 1 (Điểm Bình 1)	1	1	1.319,7	-	-								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.2	Trường Tiểu học Châu Thắng (điểm Chiềng Ban)	1	1	1.140,6	267,0	267,0								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.3	Trường Tiểu học Châu Thắng (điểm Căng Bãi)	1	1	3.258,9	241,0	241,0								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.4	Trường Mầm non Châu Hội (Điểm bán Lâm Hội)	1	1	1.877,4	357,0	357,0								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.5	Trường Mầm non Châu Hạnh	1	1	225,6	68,0	68,0								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
15.6	Trường Mầm non Châu Thuận	1	1	378,4	98,0	98,0								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.7	Trường Mầm non Châu Hoàn	1	1	373,3	55,0	55,0								1					Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.8	Trường mầm non Diên Lãm	1	1	2.866,4	870,0	870,0								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.9	Trường Tiểu học Châu Bình 2 (TH Bình 3 cũ)	1	1	6.480,0	72,8	72,8								1	Chuyển về địa phương quản lý				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.10	Trường Tiểu học Châu Bình 2	1	1	340,0	135,0	135,0								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.11	Trường Tiểu học Châu Tiến	1	1	1.107,3	-	-								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.12	Trường Tiểu học Châu Phong 2	1	1	864,0	-	-								1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.13	Trường Tiểu học Châu Hoàn	1	1	700,0	-	-								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.14	Trường TH Châu Nga	1	1	1.222,0	108,0	108,0								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.15	Trường Tiểu học Châu Thuận	1	1	6.636,6	982,0	982,0								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
15.16	Trường THCS Tiến Thắng	1	1	7.834,6	645,0	985,0								1	Điều chuyển				Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16	Huyện Quế Phong	25	25	1.718,0	327,0	327,0	-	-	-	-	-	-	-	25						

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng										
16.1	Trường Tiểu học Tiền Phong 1 - Điểm trường bản Phương Tiến 1 (Điểm lẻ)	1	1	398,9	138,6	138,6								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.2	Trường Tiểu học Mường Nọc - Điểm trường Bản Đai (Điểm lẻ)	1	1	1041,7	259,9	259,9								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.3	Trụ sở UBND thị trấn Kim Sơn (Nhà 2 tầng, trụ sở cũ)	1	1	459,4	252,8	505,6								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.4	Trường Tiểu học Đồng Văn, điểm Pù Duộc (trước đây là Tiểu học Đồng Văn 1 - Điểm trường Bản Pù Duộc) (Điểm lẻ)	1	1	389,4	136,2	136,2								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.5	Trường Tiểu học Đồng Văn, điểm Na Cháo - Piêng Vãn (trước đây là Tiểu học Đồng Văn 2 - Điểm trường Bản Piêng Vãn) (Điểm lẻ)	1	1	729,2	160,4	160,4								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.6	Trường Mầm non Đồng Văn - Điểm trường Bản Na Cháo - Piêng Vãn cũ (điểm trường bản Na Cháo cũ) (Điểm lẻ)	1	1	480,1	82,9	82,9								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.7	Trường Mầm non Đồng Văn - Điểm trường Bản Na Cháo - Piêng Vãn cũ (điểm trường bản Piêng Vãn cũ) (Điểm lẻ)	1	1	728,2	117,4	117,4								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.8	Trường Mầm non Đồng Văn - Điểm trường Bản Pù Duộc (Điểm lẻ)	1	1	985,0	222,3	222,3								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.9	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường cũ bản Páo (Điểm lẻ)	1	1	705,6	109,3	109,3								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại								Kết quả xử lý					Ghi chú				
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng		Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng											
16.10	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường bán Hứa Khố (Điểm lẻ)	1	1	594,1	92,4	92,4								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.11	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường bán Tín Pú (Điểm lẻ)	1	1	168,5	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.12	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường cũ bán Năm Sái (Điểm lẻ)	1	1	293,4	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.13	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường bán Cỏ Hường (Điểm lẻ)	1	1	218,0	33,1	33,1								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.14	Trường Mầm non Quang Phong - Điểm trường cũ bán Cu (Điểm lẻ)	1	1	603,2	113,1	113,1								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.15	Trường Tiểu học Quang Phong 2 - Điểm trường bán Năm Xái cũ (Điểm lẻ)	1	1	1645,4	181,7	181,7								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.16	Trường Mầm non Cẩm Muộn - Điểm trường Piêng Cẩm (Nhà cấp 4) (Điểm lẻ)	1	1	1511,5	129,2	129,2								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.17	Trường Mầm non Cẩm Muộn - Điểm trường Bán Bó (Điểm lẻ)	1	1	324,2	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.18	Trường Mầm non Cẩm Muộn - Điểm trường Mòng 1 (Điểm lẻ)	1	1	515,0	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.19	Trường Mầm non Cẩm Muộn - Điểm trường Phà Pát (Điểm lẻ)	1	1	103,7	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.20	Trường Mầm non Cẩm Muộn - Điểm trường Mòng 3 (Điểm lẻ)	1	1	96,8	0,0	0,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
16.21	Trường Tiểu học Châu Thôn điểm bán Pôi (Điểm lẻ)	1	1	1465,8	106,0	106,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại								Kết quả xử lý					Ghi chú			
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả			Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích		Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý					
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng		Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng										
16.22	Trường Tiểu học Châu Thôn điểm bản Na Pục (Điểm lẻ)	1	1	501,1	129,0	129,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.23	Trường mầm non Châu Thôn điểm Bản Quạnh (Điểm lẻ)	1	1	2154,2	245,8	245,8								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.24	Trường mầm non Châu Thôn Điểm trường Bản Ná Pục (Điểm lẻ)	1	1	570,3	117,2	117,2								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
16.25	Trường Mầm non Châu Kim điểm Hữu Văn (Điểm lẻ)	1	1	418,2	92,0	92,0								1	Bán đấu giá	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
17	Huyện Kỳ Sơn	25	25	17.942,5	5.615,6	3.637,2	0	0	0	0	0	0	0	0	25			0	
17.1	Trường PTDTBT TH Tà Cạ (điểm Trường Tiểu học điểm bản Hoà Sơn)	1	1	769,1	160	160	0							0		Giữ lại tiếp tục sử dụng		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
17.2	Trường mầm non Tà Cạ (điểm Trường mầm non điểm bản Hoà Sơn)	1	1	278,9	100	100	0							0		Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
17.3	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Cạ (Trường mầm non điểm bản Nhân Lý)	1	1	375,2	150	150	0							0		Giữ lại tiếp tục sử dụng		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
17.4	Trường PTDTBT TH Na Ngòi 1 (Trường Tiểu học bản Kéo Bắc)	1	1	500	125	375	0							0		Giữ lại tiếp tục sử dụng		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án
17.5	Trường PTDTBT TH Na Ngòi 2	0																	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại								Kết quả xử lý					Ghi chú				
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng		Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
*	Trường Tiểu học bản Phù Quốc 1	1	1	587	162,5	162,5	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
*	Trường Tiểu học bản Huổi Xai	1	1	462	100	100	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
*	Trường Tiểu học bản Huổi Thum	1	1	758	162,5	162,5	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
17.6	Trường Mầm Non Mường Típ (Điểm trường mầm non bản Huổi Khói, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn)	1	1	404,1	299,1	105	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
17.7	Trường PTDTBT TH Mường Típ 2 (Điểm trường Tiểu học bản Chà Lạt, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn)	1	1	795,5	656,5	139	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Thu hồi		
17.8	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Ái (Trường PTDTBT Tiểu học Mường Ái Bản Xốp Xăng)	1	1	316	90	180	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
17.9	Trụ sở UBND xã Mỹ Lý cũ	1	1	2044	279	445,5	0					0					Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	Điều chuyển		
17.10	UBND xã Nậm Cắn	0																		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại											Kết quả xử lý					Ghi chú	
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích			Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý			
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng		Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
*	Trụ sở UBND xã Nậm Cắn cũ	1	1	914,6	98,49	150,5	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
*	Trường PTDTBT tiểu học Nậm Cắn 1 điểm bán Tiên Tiều	1	1	2223,7	327,8	455,3	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
*	Trường PTDTBT tiểu học Nậm Cắn 1 điểm bán Khánh Thành	1	1	2035,8	272,9	386,6	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
17.11	Trường Mầm non Huổi Tụ	0																		
*	Trường Mầm Non Bán Huổi Úc 2	1	1	323,6	100	100	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
*	Trường Mầm Non bán Huổi Lê	1	1	252,8	100	100	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
17.12	Trạm y tế xã Chiêu Lưu (Trạm y tế cũ tại bản Cù, xã Chiêu Lưu 9)	1	1	7196,8	2000	136,7	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
17.13	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Ai (Bản Xốp Xăng)	1	1	316	90	180	0							1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
17.14	Trường Mầm non Hữu Lập	0																Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
*	Trường Mầm non Hữu Lập - Điểm trường bản Xốp Nhị	1	1	578	215	215	0					0		1	Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
*	Trường Mầm non Hữu Lập - Điểm trường bản Na	1	1	405	215	215	0					0		1	Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
17.15	Trường PTDTBT TH Hữu Lập	0																Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
*	Trường Tiểu học Hữu Lập - Điểm trường bản Na	1	1	530	282	282	0					0		1	Giữ lại tiếp tục sử dụng		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
*	Trường Tiểu học Hữu Lập - Điểm trường bản Xốp Thập	1	1	1.494,9	278	278	0					0		1	Giữ lại tiếp tục sử dụng		Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
17.16	Nhà tiếp dân UBND xã Hữu Lập	1	1	132	132	132	0					0		1	Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại								Kết quả xử lý					Ghi chú				
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý		
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng		Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
17.17	Trường PTDTBT TH Huồi Tụ 1	0																Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án		
*	Trường Tiểu học, thuộc điểm bản Huồi Lê (2 phòng học)	1	1	848,6	104	104	0				0			1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
*	Trường Tiểu học, thuộc điểm bản Huồi Thăng (3 phòng học)	1	1	316,8	140	140	0				0			1	Giữ lại tiếp tục sử dụng			Điều chuyển	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án	
18	Huyện Quý Hợp	23	23	37.155,60	4.047,70	4.187,70	0	0	0	0	0	0	0	0	16	0	0	7	0	
18.1	Trụ sở cũ UBND huyện Quý Hợp	1	1	586,4	140	280									1	Điều chuyển	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
		1	1	513,3	0	0									1	Chuyển cho địa phương quản lý	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch
18.2	Trạm Y tế xã Yên Hợp (Nhà bác sỹ)	1	1	274,3	48,4	48,4								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.3	Trường Tiểu học Vùng lè bản Thợ, xã Yên Hợp	1	1	1386,5	190	190								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.4	Trường Tiểu học Châu Quang (Điểm trường xóm Quang Hưng)	1	1	4218,3	246	246								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.5	Trường Tiểu học Châu Quang (Điểm trường xóm Diềm Báy)	1	1	889,8	142,3	142,3								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng				Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả				Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý				Chưa có Quyết định xử lý	
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
18.6	Trường Tiểu học Châu Quang (Điểm trường xóm Khánh Quang)	1	1	1688,4	0	0								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.7	Nhà văn hóa xóm Yên Luóm, xã Châu Quang	1	1	566,1	162,8	162,8								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.8	Trường Tiểu học Nghĩa Xuân (Điểm xóm Tàu)	1	1	996	230	230								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.9	Trường Tiểu học Châu Lộc (Vùng lè xóm Ính)	1	1	2289,6	0	0								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.10	Trường Mầm non Châu Lộc (Điểm Xóm Kèn)	1	1	414,4	100	100								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.11	Trường Tiểu học Đồng Hợp (Vùng Tân Thắng)	1	1	4052,4	364	364								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.12	Trường Tiểu học Đồng Hợp (Vùng Bản Mát)	1	1	1435,4	48	48								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.13	Trường Tiểu học Đồng Hợp (Vùng Bãi Kè)	1	1	2852,7	144	144								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.14	Trường MN Văn Lợi (Xóm Xuân Sơn)	1	1	644,00	330	330								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.15	Trường Tiểu học Văn Lợi (Vùng xóm Nam Trường)	1	1	2014,00	486,40	486,40								1	Thu hồi	Đang xử lý			Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.16	Trường Mầm non Châu Tiến (Bản Phúc Tiến xã Châu Tiến)	1	1	1336	410	410											1	Chuyển làm trụ sở công an xã Châu Tiến	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại										Kết quả xử lý					Ghi chú		
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả			Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích				Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý				
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý		Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng	Diện tích xây dựng			Diện tích sàn sử dụng											
18.17	Trường THPT Quý Hợp 2-Xóm Quyết Tiến, xã Tam Hợp, huyện Quý Hợp, tỉnh Nghệ An	1	1	3122	0	0											1	Chuyển làm trụ sở công an xã Tam Hợp	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.18	Trường MN Châu Quang (Xóm Quang Hưng)	1	1	2019,5	234,3	234,3											1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.19	Trường MN Châu Quang (Xóm Quang Thịnh)	1	1	1917,8	415,2	415,2											1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.20	Trường Tiểu học Minh Hợp (Xóm Minh Tiến)	1	1	2403	176,3	176,3											1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.21	Trường Tiểu học Minh Hợp (Xóm Minh Đình)	1	1	3943	0	0											1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
18.22	Trường Tiểu học Thọ Hợp (Điểm xóm Sợ Dưới, xã Thọ Hợp, huyện Quý Hợp, tỉnh Nghệ An)	1	1	1645,1	180	180											1	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch	
19	Thành phố Vinh (Thị xã Cửa Lò cũ)	3	3	5.701,1	2.132,8	2.494,8	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2		
19.1	Trường THCS Lê Thị Bạch cát	1	1	4647,1	1700,8	1700,8									1	Điều chuyển	Đang xử lý		Thu hồi làm chợ	Đã có QĐ xử lý nay đề nghị điều chỉnh phương án

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang sử dụng/địa chỉ nhà, đất	Tổng số cơ sở nhà, đất	Phân loại								Kết quả xử lý					Ghi chú				
			Số cơ sở nhà, đất không sử dụng			Số cơ sở nhà, đất sử dụng kém hiệu quả			Số cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích		Đã có Quyết định xử lý			Chưa có Quyết định xử lý						
			Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)		Số lượng		Hình thức xử lý	Tiến độ xử lý	Số lượng	Dự kiến hình thức xử lý
					Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
19.2	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (Trạm thú y cũ)	1	1	600	220	370										1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		
19.3	Trung tâm y tế (TT dân số KHHGD cũ)	1	1	454	212	424										1	Bán đấu giá	Đang chờ điều chỉnh quy hoạch		